

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục bốc hơi gần 27 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 13/4/2022		•	
Tuần 11/4-15/4/2022		•	
Tháng 4/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Gắng sức đu lên đường MA20, VN-Index trượt tay rơi xuống từ độ cao hơn 35 điểm và đóng cửa ở mức thấp nhất ngày, giảm hơn 26 điểm so với phiên trước đó. Hầu hết tất cả các ngành đều giảm theo xu hướng chung của thị trường như Ngân hàng, Chứng khoán, Thép,..., đặc biệt nhóm Bất động sản đã “bất động sàn”, nằm xỉu ngang bên cạnh nhóm ngành Dầu khí. Ở chiều ngược lại, nhóm Thủy sản giao dịch khá tích cực bên cạnh một số mã bluechip, tuy nhiên vẫn là không đủ để gánh cả thị trường. Độ rộng thị trường ngả hết cỡ về phía tiêu cực với chỉ 2/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thị trường hiện tại đang trong trạng thái tiêu cực và có lẽ tâm lí nhà đầu tư đang khá hoảng loạn. Trong trường hợp xấu, VN-Index có thể tiếp tục sẽ lùi về ngưỡng quanh vùng 1440.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 12/04/2022, các chứng quyền tiếp tục giảm mạnh theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở

Điểm nhấn:

- VN-Index **-26.75** điểm, đóng cửa **1455.25** điểm. HNX-Index **-11.01** điểm, đóng cửa **421.01** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **MWG (+0.52)**, **MSN (+0.49)**, **VHC (+0.32)**, **FPT (+0.31)**, **VPB (+0.23)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.31)**, **BID (-1.83)**, **GVR (-1.82)**, **HPG (-1.46)**, **CTG (-1.27)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20.151** tỷ đồng, giảm **-10.35%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 21.282 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 35.33 điểm. Thị trường có **67** mã tăng, 27 mã tham chiếu và **409** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-273.48** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VPB (-81.50 tỷ)**, **HPG (-59.77 tỷ)**, **VHM (-59.26 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.63** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1455.25**
Giá trị: 20150.96 tỷ **-26.75 (-1.8%)**
Khối ngoại (ròng): -273.48 tỷ

HNX-INDEX **421.01**
Giá trị: 2528.93 tỷ **-11.01 (-2.55%)**
Khối ngoại (ròng): -1.63 tỷ

UPCOM-INDEX **112.53**
Giá trị: 1242.07 tỷ **-1.31 (-1.15%)**
Khối ngoại(ròng): 8.93 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	96.3	2.10%
Giá vàng	1,952	-0.06%
Tỷ giá USD/VND	22,882	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	24,864	-0.16%
Tỷ giá JPY/VND	18,225	-1.09%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	-5.04%
LS TPCP 5 năm	2.5%	7.80%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
E1VFN30	59.3	VPB	-81.5
NVL	58.7	HPG	-59.8
FUESSVFL	52.7	VHM	-59.3
FUEVFNVD	38.2	HCM	-52.4
VIC	33.2	PVD	-48.9
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

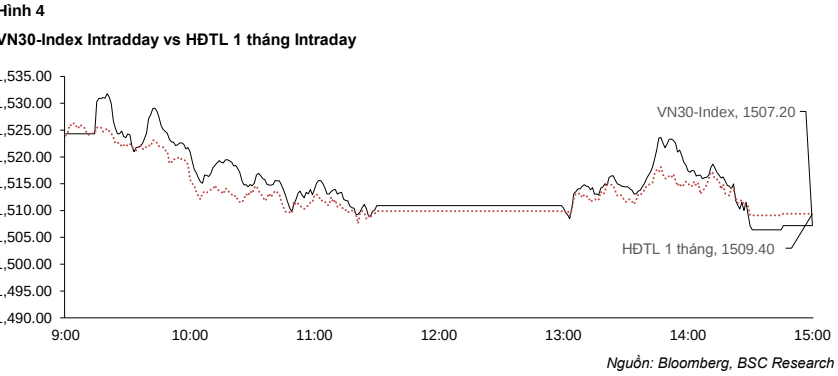
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/4/2022	HT1	25.7	30	24.2	25.25	6	-1.75%	Có thể giữ nguyên vị thế
29/3/22	MSH	86.2	101	80.2	94.1	14	9.16%	Có thể tiếp tục mua
24/3/22	BMP	61	68	58	61.3	19	0.49%	Có thể tiếp tục mua
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	16.4	33	-2.96%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/4/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
1/4/2022	SIP	140	163	134	SL	11	-4.29%
31/3/22	VNM	80.9	95	76.8	SL	12	-5.07%
28/3/22	GMD	56.3	63.2	53	SL	15	-5.86%
23/3/22	DBC	38.6	43	36.6	SL	16	-5.18%
22/3/22	CII	34.15	43.5	30.8	SL	6	-9.81%
21/3/22	KDH	53.3	61.3	51.5	SL	16	-3.38%
18/3/22	LIG	16	22	14.7	SL	12	-8.13%
17/3/22	HQC	8.19	10.19	7.5	TP	7	24.42%
16/3/22	VTP	70	77	66	TP	8	10.00%
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	TP	21	16.33%
Chú thích: Thông kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thông kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	2	4.83%	-2.35%	1.24%	22
Cổ phiếu đã chốt	242	201	7.30%	-7.61%	4.47%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2204	1509.40	-0.95%	2.20	24.1%	167,740	4/21/2022	11
VN30F2205	1508.30	-1.02%	1.10	75.5%	444	5/19/2022	39
VN30F2206	1506.10	-0.91%	-1.10	90.3%	215	6/16/2022	67
VN30F2209	1503.00	-0.99%	-4.20	26.5%	62	9/15/2022	158

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -17.11 điểm xuống 1507.20 điểm. Các cổ phiếu như HPG, VHM, TPB, MBB, TCB đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Vận động thị trường tiếp tục củng cố xu hướng vận động trong vùng 1500-1530 điểm.
- Các HDTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HD đều tăng. Xét về vị thế mở, các HD VN30F2206 và VN30F2204 giảm, còn lại thì tăng không đáng kể. Điểm số tiếp tục giảm và lượng hợp đồng mở giảm cho thấy xu hướng dòng tiền vẫn đang thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư nên giao dịch thận trọng trong phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CFPT2202	6/24/2022	73	10:1	1,294,300	21.96%	1,700	2,700	7.14%	866	3.12	97,200	89,700	109,800
CHPG2116	7/6/2022	85	4:1	5,500	33.09%	2,830	850	0.00%	46	18.59	62,010	61,410	45,100
CFPT2111	5/24/2022	42	5:1	25,700	21.96%	1,990	1,820	-1.09%	79	23.06	118,800	106,000	109,800
CKDH2202	6/24/2022	73	4:1	66,300	35.26%	2,080	1,550	-3.13%	1,021	1.52	52,560	52,000	50,100
CFPT2201	9/20/2022	161	8:1	142,200	21.96%	2,100	2,240	-4.27%	355	6.30	117,840	106,000	109,800
CHPG2204	6/24/2022	73	5:1	289,700	33.09%	1,900	1,670	-4.57%	851	1.96	54,500	44,500	45,100
CKDH2201	10/5/2022	176	8:1	563,800	35.26%	1,500	770	-4.94%	329	2.34	63,538	61,618	50,100
CHDB2201	9/21/2022	162	5:1	124,700	36.99%	1,500	920	-5.15%	367	2.51	31,599	30,999	27,800
CFPT2203	8/1/2022	111	4:1	386,300	21.96%	3,800	5,140	-5.17%	1,534	3.35	100,720	95,000	109,800
CKDH2107	4/27/2022	15	8:1	98,500	35.26%	1,300	940	-6.00%	1,150	0.82	44,928	43,888	50,100
CKDH2203	7/18/2022	97	2:1	347,100	35.26%	5,000	2,770	-7.05%	1,253	2.21	59,860	57,000	50,100
CHDB2202	6/9/2022	58	3:1	381,700	36.99%	2,220	1,000	-7.41%	270	3.70	33,200	30,500	27,800
CHPG2201	10/21/2022	192	10:1	642,100	33.09%	1,300	840	-7.69%	377	2.23	73,866	49,666	45,100
CHPG2202	9/21/2022	162	10:1	890,400	33.09%	1,100	650	-8.45%	202	3.23	116,488	53,888	45,100
CHPG2119	5/24/2022	42	2:1	46,800	33.09%	3,380	1,380	-8.61%	191	7.23	54,140	53,000	45,100
CHPG2118	5/4/2022	22	5:1	248,400	33.09%	2,000	100	-9.09%	0	1,465.80	66,349	61,999	45,100
CHPG2117	7/1/2022	80	5:1	372,800	33.09%	2,320	380	-9.52%	44	8.65	66,900	60,000	45,100
CHPG2203	9/20/2022	161	4:1	789,900	33.09%	2,200	1,360	-12.26%	663	2.05	81,500	51,500	45,100
CHDB2103	4/27/2022	15	8:1	258,800	36.99%	1,000	160	-46.67%	62	2.57	35,848	28,888	27,800
CHPG2114	4/27/2022	15	10:1	1,001,000	33.09%	1,200	50	-54.55%	0	229.05	62,789	56,789	45,100
Tổng				6,681,700	32.37%**								
Chú thích:													
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 12/04/2022, các chứng quyền tiếp tục giảm mạnh theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CVNM2111 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 143.90% và 37.63%. Giá trị giao dịch giảm mạnh -7.95%. CFPT2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.50% thị trường.
- CFPT2203, CSTB2202, CSTB2112, và CMBB2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CVRE2110, CFPT2202, CSTB2110, và CMSN2108 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2112, CMSN2104, và CSTB2202 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	Hiện điều chỉnh	1.8%	0.5	4,860	17.2	6,936	22.0	5.3	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	112.4	-1.8%	0.6	1,184	6.1	4,526	24.8	4.3	49.0%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	60.0	-5.5%	1.3	1,936	5.2	2,554	23.5	2.1	26.4%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	52.0	-4.6%	0.5	530	0.5	3,543	14.7	1.6	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	81.3	-0.5%	0.7	13,481	8.3	(690)	N/A	N/A	3.0	12.6%
VRE	Bất động sản	31.1	-3.4%	1.1	3,073	6.9	578	53.8	2.3	30.5%	4.4%
VHM	Bất động sản	73.0	-2.8%	1.0	13,820	13.9	9,004	8.1	2.5	23.7%	36.9%
DXG	Bất động sản	37.2	-7.0%	1.4	983	25.0	1,942		2.5	30.3%	15.5%
SSI	Chứng khoán	41.8	-2.8%	1.5	1,804	12.9	2,768	15.1	2.9	37.7%	22.5%
VCI	Chứng khoán	53.4	-4.6%	1.0	773	5.3	4,512	11.8	2.7	18.8%	27.1%
HCM	Chứng khoán	32.3	-6.4%	1.4	642	7.6	2,805	11.5	2.0	43.4%	19.5%
FPT	Công nghệ	109.8	1.2%	1.0	4,333	14.9	4,792	22.9	5.6	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	84.4	-1.9%	0.4	1,205	0.0	4,926	17.1	4.6	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	108.9	-1.2%	1.2	9,062	3.0	4,381	24.9	4.1	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	54.6	-2.8%	1.5	3,016	3.5	2,344	23.3	2.8	17.1%	12.3%
PVS	Dầu khí	30.2	-9.9%	1.6	628	13.3	1,258	24.0	1.2	8.4%	5.0%
BSR	Dầu khí	25.2	-4.5%	0.8	3,397	8.3	2,108		2.1	41.1%	19.1%
DHG	Dược	102.0	-4.0%	0.2	580	0.3	5,720	17.8	3.5	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	65.2	2.2%	0.9	1,109	13.9	7,959	8.2	2.4	11.2%	33.5%
DCM	Hóa chất	39.5	-0.6%	0.7	909	5.7	3,073	12.9	2.8	6.6%	23.7%
VCB	Ngân hàng	82.4	-0.7%	1.0	16,955	3.0	4,632	17.8	3.6	23.6%	21.6%
BID	Ngân hàng	40.5	-3.5%	1.2	8,896	5.7	2,084	19.4	2.5	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	31.0	-3.3%	1.6	6,477	7.9	#N/A	N/A	#N/A	#N/A	#VALUE!
VPB	Ngân hàng	39.0	0.5%	1.2	7,538	43.3	2,648	14.7	2.2	17.5%	17.9%
MBB	Ngân hàng	32.3	-2.9%	1.2	5,298	21.8	3,362	9.6	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	33.5	-1.2%	1.1	3,930	7.2	3,554	9.4	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	61.3	-0.6%	0.6	218	0.2	2,619	23.4	2.2	85.3%	9.0%
NTP	Nhựa	54.9	-2.8%	0.4	281	0.5	3,825	14.4	2.4	17.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	29.0	-4.0%	1.2	1,386	1.2	178	162.9	2.2	10.1%	1.4%
HPG	Thép	45.1	-2.8%	1.1	8,771	36.2	7,166	6.3	2.2	22.0%	42.8%
HSG	Thép	32.8	-0.2%	1.4	704	10.2	8,581	3.8	1.4	6.5%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	76.8	-0.6%	0.7	6,979	5.9	4,518	17.0	4.9	54.3%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	163.3	-0.5%	0.8	4,553	0.8	5,718	28.6	4.9	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	125.4	1.3%	0.9	7,724	7.5	6,048	20.7	5.4	28.4%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	22.0	-2.7%	1.4	602	2.7	1,135	19.4	1.7	7.3%	8.7%
ACV	Vận tải	91.4	-0.7%	0.8	8,651	0.1	363	251.9	5.3	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	138.0	-0.3%	1.1	3,250	4.6	185		4.4	16.8%	0.6%
HVN	Vận tải	24.0	-0.4%	1.7	2,311	1.8	(6,783)		35.7	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	52.1	-4.9%	1.0	683	4.5	1,869	27.9	2.5	42.9%	9.2%
PVT	Vận tải	23.0	-3.4%	1.3	324	4.9	2,038	11.3	1.4	9.7%	13.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	109.1	-4.7%	0.7	759	1.0	10,538	10.4	3.6	3.6%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	52.1	-3.3%	0.4	1,016	2.4	2,729	19.1	3.3	4.3%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	25.3	-1.0%	0.8	419	4.9	966	26.1	1.9	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	80.0	-7.0%	1.0	257	5.0	308	259.7	0.7	45.4%	0.3%
CII	Xây dựng	28.5	-6.9%	1.0	312	8.7	(1,398)	N/A	N/A	1.4	10.9%
REE	Điện	79.1	-3.3%	-1.4	1,063	2.3	6,002	13.2	1.8	49.0%	15.0%
PC1	Điện	41.1	-6.7%	-0.4	420	5.5	3,014	13.6	2.1	5.0%	16.0%
POW	Điện	15.6	-3.7%	0.6	1,588	7.3	768	20.3	1.3	2.0%	6.3%
NT2	Điện	23.0	-3.0%	0.5	288	0.9	1,778	12.9	1.6	13.6%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	48.9	0.8%	1.3	1,224	11.2	1,590	30.7	2.0	18.6%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	74.0	0%	0.9	3,330	0.8			4.7	2.6%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	125.40	1.33	0.50	1.37MLN
MWG	152.70	1.80	0.49	2.64MLN
FPT	109.80	iện điều chỉ	0.30	3.16MLN
VHC	97.80	6.89	0.29	1.30MLN
VPB	39.00	0.52	0.23	25.20MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-2.33	4.36MLN	1.11MLN
GVR	-0.01	-1.89	2.77MLN	607060
BID	0.00	-1.87	3.19MLN	373600
HPG	0.00	-1.48	18.23MLN	192700
CTG	0.00	-1.29	5.69MLN	611640

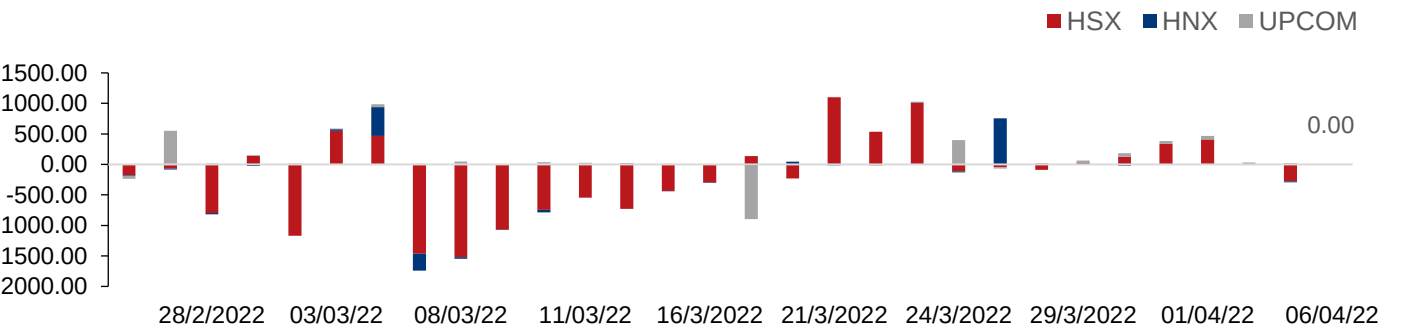
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HTL	23.75	6.98	0.01	800.00
TNC	49.20	6.96	0.02	500
RIC	22.30	6.95	0.01	93800
VHC	97.80	6.89	0.29	1.30MLN
IDI	26.50	6.85	0.10	3.81MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXG	37.20	-7.00	-0.43	15.03MLN
LGL	9.30	-7.00	-0.01	463100
VOS	18.60	-7.00	-0.05	1.74MLN
FLC	9.04	-7.00	-0.12	10.27MLN
JVC	9.44	-7.00	-0.02	3.80MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	109.8	4,792	22.9	5.6	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	34.0	2,448	13.9	2.3	Click
3	NKG	Phiên điều chỉnh	Mua	11/3/22	51.2	60.4	41.8	10,793	3.9	1.6	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	15.6	768	20.3	1.3	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	112.4	4,526	24.8	4.3	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	152.7	6,936	22.0	5.3	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	23.0	2,038	11.3	1.4	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	216.0	13,122	16.5	6.1	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	45.1	7,166	6.3	2.2	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	48.9	1,590	30.7	2.0	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	39.0	4,718	8.3	2.7	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	37.2	1,942	19.2	2.5	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	132.8	7,460	17.8	6.6	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	40.2	1,006	40.0	2.2	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	37.1	2,877	12.9	2.4	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	97.8	6,040	16.2	3.1	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	38.6	1,891	20.4	1.8	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	52.0	3,543	14.7	1.6	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	30.2	1,258	24.0	1.2	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	108.9	4,381	24.9	4.1	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	32.2	3,134	10.3	2.3	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	80.0	308	259.7	0.7	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	20.4	1,454	14.0	0.9	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.1	1,599	10.7	0.8	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	17.1	1,599	10.7	0.8	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	23.0	2,324	9.9	3.3	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	112.4	4,526	24.8	4.3	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	112.4	4,526	24.8	4.3	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	152.7	6,936	22.0	5.3	Click
30	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	69.4	3,013	23.0	4.7	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	51.3	3,055	16.8	2.2	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	25.2	2,108	12.0	2.1	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.4	948	26.7	1.5	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	97.8	6,040	16.2	3.1	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	30.5	1,637	18.6	1.8	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.4	689	23.8	1.2	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	35.6	3,600	9.9	1.8	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	42.1	3499.1	12.0	1.8	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	23.0	1,778	12.9	1.6	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	108.9	4,381	24.9	4.1	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	41.8	10,793	3.9	1.6	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	50.1	1,781	28.1	3.2	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	76.8	4,518	17.0	4.9	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	109.8	4,792	22.9	5.6	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	31.1	578	53.8	2.3	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	216.0	13,122	16.5	6.1	Click
47	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	54.0	5,924	9.1	1.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639